

MỤC LỤC

A. GIỚI THIỆU CHUNG	3
1. Vị trí địa lý.....	3
2. Địa hình.....	3
3. Đặc điểm thời tiết khí hậu	3
4. Xu hướng thiên tai, khí hậu	4
5. Hiện trạng Dân số	4
6. Hiện trạng sử dụng đất đai.....	5
7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế.....	6
B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỒN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH... 7	7
1. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH	7
2. Tóm tắt kết quả bản đồ nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên bản đồ sơ họa.....	7
3. Lịch sử thiên tai/BĐKH.....	8
4. Nhóm dễ bị tổn thương	9
5. Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng.....	10
6. Đánh giá hiện trạng nhà ở.....	11
7. Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BĐKH.....	12
8. Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường.....	12
9. Y tế - Nguy cơ dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH	13
10. Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BĐKH	13
12. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH	14
13. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng.....	14
14. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh	15
15. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	16
16. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH.....	16
C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH..... 18	18
1 Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)18	18
2. Kết quả đánh giá về nhà ở.....	19
3. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường	20
4. Kết quả đánh giá về y tế.....	21
5. Kết quả đánh giá về giáo dục	22
6. Kết quả đánh giá về rừng	22
7. Kết quả đánh giá về trồng trọt.....	23

8. Kết quả đánh giá về chăn nuôi.....	24
9. Kết quả đánh giá ngành thủy sản	25
10. Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch	26
11. Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác.....	26
12. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông và cảnh báo sớm.....	27
13. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH	27
14. Kết quả đánh giá một số lĩnh vực/ngành then chốt khác của địa phương Error! Bookmark not defined.	
D. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP.....	31
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH.....	31
2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH	32
E. PHỤ LỤC BÁO CÁO	38

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐA LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: /BC-UBND

Đa Lộc, ngày tháng năm 2018

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU DỰA VÀO CỘNG
ĐỒNG**

Xã Đa Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội. Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và là đầu vào cho dự án GCF.

A. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Vị trí địa lý

Xã Đa Lộc nằm ở Phía đông của huyện Hậu Lộc và thuộc hữu ngạn sông Lèn.

- Phía đông giáp biển đông
- Phía tây giáp sông Lèn
- Nam giáp Xã Hưng Lộc Hậu Lộc
- Phía bắc giáp cửa sông Lèn

Xã Đa Lộc được chia thành 9 thôn: Đông Hải, Đông Tân, Đông Thành, Hùng Thành, Mỹ Điền, Ninh Phú, Vạn Thắng, Yên hòa, Yên Lộc.

2. Địa hình

Xã Đa Lộc phía Tây và Bắc được bao bọc bởi 5km sông Lèn, phía đông là biển đông. Xã được hình thành từ việc bồi lấp biển tự nhiên nên địa hình không đồng đều, bằng phẳng. Về địa hình có thể chia xã Đa Lộc thành hai vùng:

- Vùng ven sông, mép biển thấp
- Vùng giữa xã cao hơn

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

TT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Thanh Hoá năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C			Tăng 1,9°C

2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C			Tăng thêm khoảng 1,6-2,4°C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C			Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8°C
4	Lượng mưa Trung bình	mm			Tăng thêm khoảng 25.1 mm

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật.

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Thanh Hoá năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm		X		
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn			X	Tăng 25cm
	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	1,43% tương đương 1,111,000ha
	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sạt lún đất, động đất, sóng thần)				

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

5. Hiện trạng Dân số

TT	Thôn	Số hộ			Số khẩu		
		Tổng	Nghèo	Cận nghèo	Tổng	Nam	Nữ
1	Hùng Thành	127	6	20	480	250	230
2	Yên Lộc	270	27	32	1111	545	566
3	Yên Hòa	220	21	31	935	485	450

4	Đông Tân	245	22	34	1020	504	516
5	Đông Hải	133	9	18	539	269	370
6	Đông Thành	320	39	45	1220	605	635
7	Ninh Phú	355	33	39	1426	710	716
8	Vạn Thắng	236	25	33	811	411	400
9	Mỹ Điền	165	28	23	710	320	335
Tổng số		2.071	210	275	8252	4099	4218

6. Hiện trạng sử dụng đất đai¹

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	1681,5
1	Nhóm đất Nông nghiệp	1302,8
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	652
1.1.1	Đất lúa nước	259
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	278
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	19
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	96
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	414,4
1.2.1	Đất rừng sản xuất	5,8
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	408,6
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	230
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	35
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	195
1.4	Đất làm muối	0
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác	6,4
	(Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	364
3	Diện tích Đất chưa sử dụng	14,7
Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng		
	- Đất nông nghiệp	5%
	- Đất ở	10%

¹ Phân loại theo luật đất đai 2013

Số phần trăm nữ đứng tên trong các loại giấy tờ đất đai chủ yếu là các hộ phụ nữ đơn thân và các hộ mới mua đất trong thời gian gần đây. Điều này sẽ gây cho phụ nữ nhiều rủi ro và có thể mất quyền kiểm soát tài sản này

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỉ lệ % phụ nữ tham gia
1	Trồng trọt	36,24%	1325	278,5 (ha)	80%
2	Chăn nuôi	12,76%	1894	142.000 con	85%
3	Nuôi trồng thủy sản	36,5%	350	230(ha)	50%
4	Đánh bắt hải sản	8,5%	65	3, 500 tấn/năm	50%
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)	1,4%	58	5 tỷ đồng VND/năm)	20%
6	Buôn bán	2,6%	230	15,5 tỷ VND/năm)	90%
7	Du lịch	0		0(triệu VND/năm)	
8	Ngành nghề khác - Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải, v.v	2%		40 tỷ VND/năm)	30%

B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN ĐỂ TỔN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH

1. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



2. Tóm tắt kết quả bản đồ Vùng nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên bản đồ sơ họa

STT	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến (Bão, Lũ, Hạn, Nước Biển dâng, v.v.)	Thôn có nguy cơ xảy ra thiên tai	Mức độ đã xảy ra (Cao, Thấp, Trung bình – dựa vào so sánh giữa các thôn)	Xu hướng thiên tai (tăng lên, giữ nguyên, giảm đi)
1	<i>Bão, ATNĐ và nước biển dâng</i>	Ninh Phú	Cao	Tăng
		Đông Hải	Cao	Tăng
		Đông Tân	Cao	Tăng
		Yên Hòa	Cao	Tăng
		Hùng Thành	Cao	Tăng
		Yên Lộc	Cao	Tăng
		Mỹ Điền	Trung bình	Tăng
		Vạn Thắng	Trung bình	Tăng

		Đông thành	Trung bình	Tăng
2	<i>Ngập lụt</i>	Vạn Thắng	Cao	Tăng
		Mỹ Điền	Cao	Tăng
		Đông tân	Trung bình	Tăng
		Yên Lộc	Trung bình	Tăng
		Ninh Phú	Cao	Tăng
		Đông Thành	Cao	Tăng
3	<i>Hạn Hán</i>	Đông Tân	Cao	Tăng
		Yên Lộc	Cao	Tăng
		Yên Hòa	Cao	Tăng
6	<i>Các dạng thiên tai khác: rét hại, nắng nóng, sét, lốc xoáy</i>	Tăng	Trung bình	Thấp

3. Lịch sử thiên tai/BĐKH

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai/BĐKH	Số thôn bị ảnh hưởng	Thiệt hại chính	Số lượng
2015 và nước biển dâng	Bão	Số thôn: Cụ thể (tên thôn)	1. Số người chết/mất tích	0
			2. Số người bị thương	0
			3. Số nhà bị thiệt hại	
			4. Số trường học bị thiệt hại	
			5. Số trạm y tế bị thiệt hại	
			6. Số km đường bị thiệt hại	
			7. Số ha rừng bị thiệt hại	50 ha
			8. Số ha ruộng bị thiệt hại	
			9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại	
			10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại	435ha (có 200 nuôi nhuyễn thể 2vor)
			11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại	
			12. Các thiệt hại khác	

			13. Ước tính thiệt hại kinh tế	
2005 và nước biển dâng	Bão	Toàn xã	2. Số người chết /mất tích	0
			3. Số người bị thương	0
			4. Số nhà bị thiệt hại	685 cái
			5. Số trường học bị thiệt hại	3 trường
			6. Số trạm y tế bị thiệt hại	01 trạm
			7. Số km đường bị thiệt hại	25km
			8. Số ha rừng bị thiệt hại	50 ha
			9. Số ha ruộng bị thiệt hại	280 ha
			10. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại	100%
			12. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại	435ha(có 200 nuôi nhuyễn thể 2vor)
			13. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại	
			14. Các thiệt hại khác: thủy sản 189 ha, đê vỡ 300m, rừng ngập mặn 30ha, 15000m tường rào, đất bị nhiễm mặn 150ha, gia súc 350 con, gia cầm 15000 con	
			15. Ước tính thiệt hại	84 tỷ đồng
2016	Hạn	Toàn xã	150 ha hoa màu bị mất Thủy sản giảm năng suất	
2010	Rét hại		0,3%/ tổng số dân mắc bệnh đường hô hấp - Gia súc gia cầm chết: - Thiệt hại lúa và hoa màu - 80% mạ và diện tích mới cấy bị chết	230con 150ha

4. Nhóm dễ bị tổn thương

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương															
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-16 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa		Người bị bệnh hiểm nghèo				
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng			

1	Hùng Thành	18	39	24	49		27	47	6	15		0	0	1
2	Yên Lộc	39	82	81	164		68	132	14	25		0	2	3
3	Yên Hòa	35	73	62	125		72	140	15	32		0	1	2
4	Đông Tân	42	88	64	132		56	117	17	37		0	1	4
5	Đông Hải	21	44	36	76		45	86	13	21		0	1	2
6	Đông Thành	55	113	72	148		109	202	23	49		0	3	4
7	Ninh Phú	71	148	111	215		88	165	28	58		0	2	3
8	Vạn Thắng	27	57	48	97		65	122	15	29		0	1	2
9	Mỹ Điền	33	69	43	88		36	63	13	24		0	0	2
	Tổng số	341	713	541	1094	117	566	1074	144	290		0	11	23

5. Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Chất lượng chống chịu với thiên tai khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)	Năm xây dựng	Nguy cơ thiết hại do thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
	<i>Trường mầm non</i>	<i>Phòng</i>	15	Cao	2005	Thấp
	<i>Trường học tiểu học</i>	<i>Phòng</i>	24	Cao	1998	Thấp
	<i>Trường THCS</i>	<i>Phòng</i>	14	Cao	2005	Thấp
	<i>Trạm y tế/ Phòng khám</i>	<i>Phòng</i>	12	Cao	2007	Thấp
	<i>Đường điện</i>	<i>Km</i>	42	Trung bình	2 trạm 93 2 trạm 95 1 trạm 08 1 trạm 16 2 trạm 17 1 trạm 18	Trung bình
	<i>Đường giao thông</i>	<i>Km</i>	53,5	Trung bình		Trung bình
	<i>Trụ sở UBND</i>	<i>Phòng</i>	18	Cao	2014	Trung bình
	<i>Nhà văn hóa xã Nhà văn hóa thôn</i>	<i>Nhà</i>	01 9/9	Trung bình và thấp	Từ 2010 - 2016	Trung bình và cao
	<i>Chợ</i>	<i>Cái</i>	01	Thấp	1998	cao

Nhận xét:

Các công trình: công sơ xã, điện, đường, trường trạm tất cả đều đã được kiên cố hóa và đều có thể trung dụng làm nơi sơ tán dân một cách an toàn khi có bão, lụt thậm chí ngay cả nước biển dâng tràn đê.

Đê biển và đê sông tuy đã được kiên cố hóa song vẫn còn có đoạn có cao trình thấp và có đoạn bị sới lở có thể dẫn tới tràn đê, vỡ đê, gây ngập lụt nặng cho khu dân cư:

- Đê sông: có 2 điểm có nguy cơ sạt lở cao: 200m gần trạm bơm Mỹ Điền giáp xã Hưng lộc và điểm từ cống Đồng Sú đến Đò Gãnh

- Đê biển 3km, đoạn từ cống Ba gò đến đường T2 cao trình thấp

- Trong số 10 cống dưới đê có một số cống xuống cấp. Cụ thể: 2 cống thủy sản hỏng ở cống; Cống Ba Gò liên tục bị tắc do rác thải từ sông đẩy vào; Cống Đông Tân hỏng phai; Cống Bắc Sen trên đê sông bị sạt lở. Với tình trạng trên, đê có nguy cơ bị vỡ, bị tràn khi có bão lớn xảy ra

Các nhà văn hóa thôn rộng rãi hầu hết mới xây dựng nhưng có 4/9 nhà chưa kiên cố dễ bị lốc mái khi có bão, ATNĐ, lốc.

Chợ đã được xây dựng từ lâu 1998 và đã xuống cấp, nếu có bão lớn xảy ra sẽ bị đổ sập

6.Đánh giá hiện trạng nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố (mái, cột, móng, tường không kiên cố)	Nhà thiếu kiên cố	Nhà tạm bợ	Nhà ở các khu vực cần di dời)
1	Hùng Thành	127	35	80	12	4	0
2	Yên Lộc	270	105	140	25	3	0
3	Yên Hòa	220	90	120	10	7	0
4	Đông Tân	245	98	132	15	4	0
5	Đông Hải	133	45	75	13	3	0
6	Đông Thành	304	120	150	34	3	0
7	Ninh Phú	355	125	190	40	3	0
8	Vạn Thắng	236	95	125	16	9	0
9	Mỹ Điền	158	70	75	13	6	0
	Tổng số	2.048	783	1087	178	42	0

Nhận xét:

Trên địa bàn toàn xã còn nhiều nhà tạm, nhà cấp 4 xuống cấp, nhiều nhà lợp tấm lợp bằng fibro xi măng, tôn lá. Đặc biệt có nhiều nhà ở vùng nguy cơ cao: Thôn Ninh Phú 158 hộ, Đông Hải 70 hộ, Đông Tân 120 hộ, Yên lộc 150 hộ, Yên Hòa 147 hộ, Hùng Thành 60 hộ.

Nếu có bão cấp 10, cấp 11 hầu hết các nhà tạm, nhà thiếu kiên cố, nhà xuống cấp sẽ bị đổ hoặc hư hỏng nặng.

7. Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BĐKH²

TT	Loại nhà	Số nhà thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Số nhà thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)	Số phụ nữ, trẻ em, người già, người tàn tật sống trong từng loại nhà
	<i>Nhà tạm bợ</i>	42	13	29
	<i>Nhà thiếu kiên cố</i>	178	75	103
	<i>Nhà bán kiên cố</i>	75	25	50
	<i>Nhà kiên cố</i>	783	33	750
	Tổng số	1078	146	932

8. Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Tên thôn	Số hộ	Nguồn nước sạch					Nhà vệ sinh				
		Giếng	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng/nước máy/Tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH	Tự hoại	Tạm	Không có	Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH	
Hùng Thành	127	5	0	114	0	Cao	115	12	0	Cao	
Yên Lộc	270	25	0	235	0	Cao	162	108	0	Cao	
Yên Hòa	220	18	0	189	0	Cao	132	88	0	Cao	
Đông Tân	245	30	0	213	0	Cao	147	98	0	Cao	
Đông Hải	133	11	0	118	0	Cao	80	53	0	Cao	
Đông Thành	304	31	0	273	0	Cao	182	122	0	Cao	
Ninh Phú	355	32	0	316	0	Cao	213	142	0	Cao	
Vạn Thắng	236	18	0	209	0	Cao	142	94	0	Cao	
Mỹ Điền	158	14	0	144	0	Cao	95	63	0	Cao	
Tổng	2.048	184	0	1.811			1.268	780	0		

Nhận xét:

100% số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh tuy nhiên số nhà tiêu 2 ngăn nhiều nên khi ngập lụt, nước biển dâng chất thải trôi ra ngoài gây ô nhiễm môi trường. Nước sạch sinh hoạt thiếu, khi có hạn,

² Phục vụ dự án GCF

nước biển dâng do nguồn nước bị nhiễm mặn đặc biệt là các thôn Hùng Thành, Yên Lộc, Đông Tân, Đông Hải, Ninh Phú.

9. Y tế - Hiện trạng dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BDKH

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
	<i>Sốt rét</i>	0	0	0	0	0
	<i>Bốt xuất huyết</i>	0	0	19 (ngoại lai)	0	0
	<i>Viêm đường hô hấp</i>	320	65	82	180	7
	<i>Tay chân miệng</i>	10	0	0	0	0
	<i>Tiêu chảy</i>	25	40	65	18	1
	<i>Số ca bệnh phụ khoa (thường do điều kiện nước sạch và vệ sinh không đảm bảo)</i>	145	305	0	0	0

Nhận xét:

Trong vòng 4 năm trở lại đây, sau thiên tai bão, ngập lụt, hạn hán, rét hại, ở địa phương thường phát sinh các bệnh dịch. Chủ yếu là bệnh viêm đường hô hấp, bệnh cúm khi rét hại; bệnh tiêu chảy, bệnh da liễu, bệnh phụ khoa khi bị ngập lụt, tuy nhiên những bệnh dịch này đã được bao vây và dập dịch kịp thời.

10. Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BDKH

TT	Tên Thôn	Khả năng và kiến thức phòng ngừa dịch bệnh (Cao, Trung bình, Thấp)	Mức độ xảy ra dịch bệnh (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Hùng Thành	Trung bình	cao
2	Yên Lộc	Trung bình	cao
3	Yên Hòa	Trung bình	cao
4	Đông Tân	Trung bình	cao
5	Đông Hải	Trung bình	cao
6	Đông Thành	Trung bình	cao
7	Ninh Phú	Trung bình	cao
8	Vạn Thắng	Trung bình	cao
9	Mỹ Điền	Trung bình	cao

Nhận xét:

Công tác y tế dự phòng của xã tốt.

Trong những năm gần đây không để dịch bệnh nghiêm trọng xảy ra ngay cả khi có thiên tai. Những bệnh dịch xảy ra được khoanh vùng và được chỉ đạo dập ngay không để bùng phát.

Tại các thôn đã chủ động tuyên truyền, báo dịch kịp thời đồng thời chủ động triển khai các hoạt động: tiêm phòng, tổ chức vệ sinh môi trường, xử lý nước.

11. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH³

Loại rừng	Tổng diện tích (ha)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)
1	2	3	4
<i>Rừng ngập mặn</i>	440	140	300
<i>Rừng trên cát</i>	13	13	0
<i>Rừng tự nhiên</i>	0		
<i>Rừng khác</i>	0		
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng</i>	300		
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng</i>	0		
Tổng		153	300

12. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng⁴

Loại rừng	Liệt kê tên các loại cây được trồng bản địa hoặc loại cây do cộng đồng đề xuất mới (nếu cần thiết)	Liệt kê 3 mô hình sinh kế trong rừng ngập mặn do cộng đồng đề xuất triển khai tại xã (ưu tiên các mô hình đã thí điểm thành công)	Số hộ đã hoặc có thể tham gia vào mỗi loại mô hình sinh kế
(1)	(2)	(3)	(4)
<i>Rừng ngập mặn</i>	Vẹt, bần, đước	- Nuôi ong lấy mật - Đánh bắt hải sản - Chăn nuôi vẹt	110 hộ 350 hộ 35 hộ
<i>Rừng trên cát</i>	Phi lao	Du lịch sinh thái	18 hộ

³ Phục vụ cụ thể cho dự án GCF

⁴ Phục vụ cho dự án GCF

Rừng tự nhiên			
Rừng khác			
Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng	300 ha Nên trồng Bần không cánh		
Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng	0		
Tổng			

13. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Loại hình sản xuất	Số hộ tham gia SXKD tại xã	Ước tính năng xuất/Khối lượng SX hàng năm theo bình quân hộ	Khả năng chống chịu với thiên tai & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Mức độ thiệt hại khi có tác động của thiên tai và khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trồng trọt (ha)	1325		-TB	cao
2	Chăn nuôi	1894		TB	Trung bình
3	Nuôi trồng thủy sản (ha)	350		Thấp	Cao
4	Đánh bắt hải sản (tấn)	86	3,500 tấn/năm	TB	Trung bình
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp (thu nhập bình quân)	58	5 tỷ đồng/năm	TB	Trung bình
6	Buôn bán (thu nhập bình quân)	230	15,5 tỷ đồng/năm	Thấp	Thấp -
7	Du lịch	0			
8	Ngành nghề khác-. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải, v.v (thu nhập bình quân)		40 tỷ đồng/năm	Tùy theo từng ngành nghề	Mất việc làm hoặc công việc bị gián đoạn (CAO)

Nhận xét:

- + Toàn xã có 165ha lúa vùng trũng thấp: Yên lộc 30ha, Đông Tân 30ha, Vạn Thắng 30ha, Mỹ Điền 15ha, Ninh Phú 15ha, Đông Thành 20ha, Yên Hòa 10ha.
- Hệ thống tiêu hạn chế
- Nước nguồn đổ về cao không tiêu thoát được nước nội đồng
- Hệ thống thủy lợi không đảm bảo
- Nguồn nước tưới thiếu vì nước sông bị nước mặn xâm nhập sâu vào nội địa

- Diện tích vùng hạn cao: Vạn Thắng 20ha, Mỹ Điền 15ha, Ninh Phú 20ha, Đông Thành 30ha, Đông Tân 12ha, Yên Lộc 30ha, Yên Hòa 16ha.

Do các nguyên nhân trên dẫn tới khi có bão, ngập lụt, hạn hán, rét hại, lúa, hoa màu cây trồng bị thiệt hại.

+ Đối với nuôi trồng thủy sản, toàn xã có 435 ha. Hầu hết đều nằm sát mép biển, tuy có rừng ngập mặn che chắn nhưng nếu có sóng to, nước dâng đều bị thiệt hại nặng do ao đầm có bờ bao thấp, yếu, dễ vỡ, dễ tràn. Mặt khác các hộ thiếu phương tiện bảo vệ, che chắn và còn tư tưởng chủ quan.

+ Đánh bắt thủy sản: 86 thuyền nhỏ đánh bắt gần bờ tuy vậy do còn tư tưởng chủ quan, hám lợi ở mọi số chủ hộ, do thiếu hệ thống liên lạc với đất liền nên vẫn có thể nguy cơ chết người, thuyền bị đắm, bị vỡ, ngư cụ bị mất đặc biệt nguy cơ cao khi gặp tố, lốc bất thường.

14. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	100%
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100%
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	47
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ử, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100%
5	Số trạm khí tượng, thủy văn		0
6	Số thôn được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Thôn/Tổng số thôn	0

Nhận xét:

Hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm khá hoàn chỉnh. Hệ thống loa được phủ khắp toàn xã, các phương tiện thông tin đại chúng đa dạng, Địa phương có đội tuyên truyền do các tổ chức chính trị xã hội đảm nhận khi có tin thiên tai sẽ xảy ra, hội viên, đoàn viên đã đến từng hộ thông báo. Các thông tin ngắn gọn, dễ hiểu. Hiệu suất sử dụng hệ thống truyền thanh cao, tuy nhiên các dụng cụ, phương tiện hầu hết đã kém chất lượng, thường xuyên bị hỏng hóc nên hiệu quả hạn chế.

15. Hiện trạng năng lực phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	0
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	0
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua	Lần	01

4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	24
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	trong đó có 03 nữ
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	10. nữ 3
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, cứu hộ-cứu nạn - Canh đê tại xã	Người	20 50
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì:	Người	0
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TƯBĐKH dựa vào cộng đồng	Người	20
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì:	Người	20
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:		
	- Ghe, thuyền: cứu hộ	Chiếc	06
	- Áo phao - Phao cứu sinh	Chiếc	100 50
	- Loa	Chiếc	
	- Đèn pin	Chiếc	Mỗi thành viên BCHPCTT 1 cái
3	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	01
	- Lều bạt	Chiếc	1000m ²
	- Xe vận tải	Chiếc	30
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng - Đất dự trữ tại khu cồn nghè: (khu đất bãi rác) 750 m ³ - Đá dăm: 15m ³ (Tập kết: Tại nhà Anh Thực, thôn Đông Thành) - Cát: 15m ³ (Tập kết: Tại trạm bơm Mỹ Điền) - Tre cây: 300 cây (Vườn ông Thịnh Dong, thôn Yên Lộc) - Cọc tre: 500 cọc (Tập kết: Tại UBND xã) - Rom rạ: 500kg (Tập kết: thôn Mỹ Điền) - Bao tải: 1.500 cái (Tập kết: UBND xã) - Bạt dứa: 200 m ² (Tập kết: UBND xã) - Lưới B40: 200 kg (Tập kết: UBND xã) - Rọ sắt: 280 cái (Tập kết: UBND xã) - Rao dứa: 10 cái (Tập kết: UBND xã) - Vò gỗ: 5 cái (Tập kết: UBND xã) - Kìm sắt: 5 cái (Tập kết: UBND xã)		

	- Thép buộc: 5 Kg (Tập kết: UBND xã)		
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng cloraminB tại trạm y tế - Vôi bột tại trạm y tế	Đơn vị Kg kg	500 03
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Cơ số	01 cơ số
10	Khác: cáng 2 cái, nẹp cố định 6 bộ, túi SCC 11 cái		

Nhận xét:

Là một xã được tỉnh đánh giá là một điểm nguy cơ cao trước bão, nước biển dâng nên công tác phòng, chống thiên tai luôn được cấp ủy, HĐND, UBND xã đặc biệt quan tâm

- Xã có ban chỉ huy PCTT 24 người được phân công cụ thể, các thành viên đều tích cực, có sự phối hợp chặt chẽ
- Lực lượng PCTT hùng hậu luôn sẵn sàng phục vụ khi có thiên tai xảy ra
- Các phương tiện vật tư và hậu cần được chuẩn bị chu đáo, khá đầy đủ
- Tuy vậy, lực lượng PCTT của xã chưa có kỹ năng tốt, hầu hết chưa được tập huấn
- Kinh phí PCTT của xã hạn chế

C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH

1. Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Liệt kê các thôn bị ảnh hưởng	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, nước biển dâng	Toàn xã nhưng nặng nhất là các thôn: Ninh Phú Đông Hải Đông Tân Yên Lộc Yên Hòa Hùng Thành	Tăng	Trung bình	Trung bình	Cao
Ngập lụt	Yên lộc Đông Tân Vạn Thắng Mỹ Điền, Ninh Phú Đông Thành	Tăng		Trung bình	cao

Nhận xét:

+ Trường học, công sở, trạm y tế tất cả các cửa ra vào, cửa sổ đều là cửa kính, đều được chống nóng bằng tôn nên cửa kính dễ bị vỡ, mái chống nóng dễ bị bay khi có bão; Các cơ sở này thiếu nhà vệ sinh và thiếu phương tiện dự trữ nước, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật sử dụng nếu được trưng dụng làm nơi sơ tán

+ Các đường cứu hộ, cứu nạn xuống cấp đặc biệt là đường T6; Đường Quan Quận còn 1 km chưa được cứng hóa, đi lại khó khăn

+ Hệ thống đê/kè/cống:

- Đê biển 3km có chỗ cao trình thấp

- Đê sông: 2 điểm có nguy cơ sạt lở cao: 200m gần trạm bơm Mỹ Điền giáp xã Hưng lộc và điểm từ cống Đồng Sứ đến Đò Gành

- 2 cống thủy sản hỏng ở cống

- Cống Ba Gò liên tục bị tắc do rác thải từ sông đẩy vào

- Cống Đông Tân hở phai

- Cống Bắc sen trên đê sông bị sới lở

Với những lý do trên cho thấy đê có thể bị vỡ, bị tràn gây thiệt hại nặng cho cộng đồng, công tác hộ đê gặp khó khăn

+ Người dân địa phương đã được tham gia nhiều khóa tập huấn PCTT do hội CTĐ, các dự án RNM của Nhật Bản tài trợ, Dự án của tổ chức CARE. Hầu hết có ý thức tinh thần trách nhiệm song vẫn có cá nhân có hành vi lấn chiếm hành lang đê, chủ quan, không tuân thủ lệnh của người có trách nhiệm.

Các rủi ro đối mặt:

- Đê biển có thể bị vỡ, bị tràn

- Cột điện bị gãy đổ, cửa kính bị vỡ

- Mái chống nóng bị lóc

Học sinh phải nghỉ học

Hoạt động KT-XH giám đoạn.

2. Kết quả đánh giá về nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT/ Nguy cơ bị thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Số lượng nhà có nguy cơ bị ảnh hưởng)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, ATNĐ, nước biển dâng	Toàn xã. Đặc biệt là các thôn Ninh Phú, Đông Hải, Đông	Tăng	158 hộ 70 hộ 120 hộ 150 hộ 147 hộ 60 hộ	Trung bình	Cao

	Tân, Yên lộc, Yên Hòa, Hùng Thành				
--	---	--	--	--	--

Nhận xét:

Trên địa bàn xã có: 178 nhà thiếu kiên cố, 42 nhà tạm bợ, trên 60% nhà lợp tấm lợp, lợp ngói không chằng chống hoặc chằng chống không đúng kỹ thuật; 882 nhà ở mép biển, mép sông do đó khi có thiên tai sẽ có:

Nhiều nhà bị đổ, bị ngập, bị trôi

Nhiều nhà sẽ bị lốc mái

Hầu hết nhà có nguy cơ cao khi thiên tai xảy ra là nhà ở sát mép biển, nhà của các hộ nghèo, hộ phụ nữ trụ cột gia đình

Đối với các hộ thiếu nhân lực, trước mùa thiên tai hoặc khi có cảnh báo bão, ATNĐ, đã được các tổ chức đoàn thể và lực lượng pCTT của xã hỗ trợ, giúp đỡ chằng chống hoặc hỗ trợ ngày công gia cố

Sau thiên tai, tất cả các hộ có nhà bị đổ, hư hại đều được hỗ trợ sửa chữa.

3. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT/Nguy cơ bị ảnh hưởng (Số hộ dân có nguy cơ bị thiếu nước sạch và không đảm bảo vệ sinh khi có thiên tai)	Số hộ có nhà vệ sinh KHÔNG hợp vệ sinh	Kỹ năng, kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)
Bão, ATNĐ, Nước biển dâng, Ngập lụt		Giảm				
	Hùng Thành	Giảm	5	0	Trung bình	Trung bình
	Yên Lộc	Giảm	25	0	Trung bình	Trung bình
	Yên Hòa	Giảm	18	0	Trung bình	Trung bình
	Đông Tân	Giảm	30	0	Trung bình	Trung bình
	Đông Hải	Giảm	11	0	Trung bình	Trung bình

	Đông Thành	Giảm	31	0	Trung bình	Trung bình
	Ninh Phú	Giảm	32	0	Trung bình	Trung bình
	Vạn Thắng	Giảm	18	0	Trung bình	Trung bình
	Mỹ Điền	Giảm	14	0	Trung bình	Trung bình
			184	0		

Nhận xét:

Các hộ có nguy cơ thiếu nước là các hộ đang dùng nước giếng khoan, khi nước biển dâng, hạn hán, nước bị nhiễm mặn nặng sẽ không có nước sạch sinh hoạt. Hiện nay số hộ dùng giếng khoan đang được vận động chuyển sang dùng nước máy. Nhận thức của một số ít người dân về nước sạch, vệ sinh môi trường còn hạn chế, chưa đổ chất thải đúng nơi quy định, còn đổ chất thải xuống sông, xuống biển, chưa nhận thức đúng về tầm quan trọng của nước sạch trong sinh hoạt. Do thiếu nước sạch sinh hoạt khi thiên tai nên khi thiên tai thường xảy ra các bệnh dịch ở người và vật nuôi đặc biệt là các bệnh tiêu chảy, da liễu.

4. Kết quả đánh giá về y tế

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, APNĐ, nước biển dâng	9/9 thôn	Giữ nguyên	Trung bình	Trung bình	Trung bình

Nhận xét:

Trạm y tế đã được kiên cố hóa, có đủ phòng làm việc và các phòng chức năng.

Trạm có 7 cán bộ y tế: 3 cao đẳng, 2 trung cấp điều dưỡng, 01 y sỹ sản-nhi, 01 trung cấp dược 9/9 thôn có cán bộ y tế thôn.

Đội ngũ y tế có trình độ chuyên môn tốt, nhiệt tình

Cơ sở khám chữa bệnh, điều trị cho nhân dân đảm bảo

Trạm chủ động phòng chống dịch, thường xuyên kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm trên địa bàn xã, làm tốt công tác vệ sinh môi trường

Trạm có đủ trang thiết bị, thuốc men cần thiết cho hoạt động khám chữa bệnh, có 01 cơ sở thuốc PCTT, có đủ hóa chất thanh khiết môi trường, xử lý nước khi có thảm họa xảy ra: 500kg vôi bột, 2 kg cloraminB

Trạm thường xuyên tuyên truyền vận động dân thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, phòng trừ dịch bệnh

Tuy vậy với một xã đông dân, nếu thiên tai lớn xảy ra sẽ thiếu nhân lực và trang bị đặc biệt là phương tiện vận chuyển

Là xã đông dân nhưng không có bác sỹ tại trạm y tế là một thiệt thòi lớn cho người dân.

5. Kết quả đánh giá về giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Trường	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT của học sinh và giáo viên, có sự khác biệt nào giữa nam và nữ	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, ATNĐ, nước biển dâng	3/3	Giữ nguyên	Thấp	Trung bình	Thấp

Nhận xét:

Tất cả các trường: mầm non, tiểu học, THCS đều cao tầng. Phòng học, phòng làm việc, chức năng đủ và kiên cố, giáo viên và học sinh có ý thức trong PCTT. Hàng tuần vào các buổi chào cờ đầu tuần, Ban giám hiệu thường thông báo cho các em cách phòng, chống đối với thiên tai theo mùa Trường đã được tập huấn PCTT cho học sinh và giáo viên nhưng không thường xuyên, chỉ tổ chức tập huấn khi có dự án. Giáo viên chưa tích hợp PCTT/BĐKH vào các bài giảng một cách thường xuyên, nhận thức về thiên tai và BĐKH ở HS còn hạn chế và thiếu kỹ năng phòng tránh một số thiên tai thường gặp.

6. Kết quả đánh giá về rừng

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn v.v.)	Thôn.../ Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Diện tích có nguy cơ thiệt hại - ha)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		tăng	100ha	Trung bình	Cao

Nhận xét:

Diện tích rừng ngập mặn 440ha phủ kín toàn bộ phía trước đê biển, trong đó chỗ cách bờ xa nhất lên tới 1500m. Hiện tại xã còn trên 400ha có thể tiếp tục phát triển trong đó có 300ha đã được quy hoạch trồng mới.

Rừng trên cát có xu hướng giữ nguyên vì hết đất trồng. Mô hình trồng rừng kết hợp với chăn nuôi vịt, nuôi ong để phát triển kinh tế hộ gia đình.

- Người dân có kinh nghiệm trồng và bảo vệ cây khi mới cấy, cây còn nhỏ. Rừng ngập mặn đã được giao cho lực lượng biên phòng và UBND xã bảo vệ. Rừng trên cát giao cho các hộ gia đình quản lý. Các hộ được hợp đồng trồng, bảo vệ rừng đều có ý thức cao.

Xã đã có quy chế bảo vệ rừng ngập mặn theo đó mọi người dân đều có trách nhiệm bảo vệ rừng, nghiêm cấm việc chặt cây, bẻ cành; các hộ đánh bắt thủy sản trong RNM không được đào bới gốc cây làm ảnh hưởng đến rừng.

Người dân trong xã có kinh nghiệm trong trồng rừng, biết rõ nên trồng cây gì vào thời gian nào trong năm

Hiện tại rừng đang bị chất thải phủ lấp các cành cây, đặc biệt là cây non, địa phương thường xuyên huy động nhân lực vớt, dọn nhưng khó giữ sạch. Khi thiên tai xảy ra, hiện tượng trên càng nghiêm trọng hơn.

Khi có bão lớn, RNM và rừng trên cát bị gãy đổ; Khi có triều cường hoặc lũ về hàng chục ha rừng bị phủ kín rác thải làm cây chết hoặc không phát triển được.

7. Kết quả đánh giá về trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d.	Thôn.../ Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTDBTT (Diện tích có nguy cơ thiệt hại - ha)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, ATNĐ, nước biển dâng, ngập lụt	Yên Lộc/270	Tăng		Trung bình	Cao
	Đông Tân/245	Tăng	30ha	Trung bình	Cao
	Đông Thành/304	Tăng	20ha	Trung bình	Cao
	Ninh Phú/355	Tăng	15ha	Trung bình	Cao
	Vạn Thắng /236	Tăng	30ha	Trung bình	Cao
	Mỹ Điền/158	Tăng	15ha	Trung bình	Cao
Hạn hán	Vạn Thắng /236 Mỹ Điền/158 Ninh Phú/355 Đông thành/ 304 Đông Tân/ 245 Yên Lộc/	Tăng cho tất cả các thôn	30ha 15 ha 20ha 30 ha 12ha, 30 ha	Trung bình	Cao cho tất cả các thôn

	270 Yên Hòa/220		16ha		
--	-----------------------	--	------	--	--

Nhận xét:

Khi có thiên tai, ở địa phương thường xảy ra các dịch bệnh: như đạo ôn, khô vằn, bạc lá, thán thư trên cây ớt, cây cà chua, các bệnh dịch nhiều như khô vằn khi nắng han, đạo ôn nếu mưa rét nhiều, bệnh nghệt rễ khi nhiễm mặn.

Phụ nữ là người tham gia hầu hết các hoạt động trồng trọt và chiếm tỷ lệ cao từ 75-80%

Trong trồng lúa phụ nữ là người cấy, thu hoạch là chính, nam giới chủ yếu là nhổ mạ, làm đất, vận chuyển

Trung tâm giáo dục cộng đồng, HTX, hội nông dân đã tổ chức nhiều lớp tập huấn kỹ năng trồng trọt cho người dân. Trong các lần tập huấn tỷ lệ nữ tham gia cao hơn nam giới

Với điều kiện 165 ha lúa vùng trũng thấp, hệ thống thủy lợi chưa đảm bảo

- Nguồn nước tưới thiếu vì nước sông bị nước mặn xâm nhập sâu vào nội địa

- Diện tích vùng thường bị hạn cao 153ha (Vạn Thắng 30ha, Mỹ Điền 15ha, Ninh Phú 20ha, Đông Thành 30ha, Đông Tân 12ha, Yên Lộc 30ha, Yên Hòa 16ha)

- Lượng nước dự trữ quá ít, diện tích đất bị nhiễm mặn nhiều nên năng suất thu nhập bị hạn chế. Mất mùa khi có bão, ngập lụt, hạn hán

8. Kết quả đánh giá về chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d.	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số lượng gia súc, gia cầm và có nguy cơ thiệt hại)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, nước dâng, rét hại, hạn hán, ngập lụt	Yên Lộc/270	Giữ nguyên	Trung bình	Trung bình	Cao
	Đông Tân/245	Giữ nguyên	Trung bình	Trung bình	Trung bình
	Đông Thành/294	Giữ nguyên	Trung bình	Trung bình	Trung bình
	Ninh Phú/345	Giữ nguyên	Trung bình	Trung bình	Cao
	Vạn Thắng/229	Giữ nguyên	Trung bình	Trung bình	Trung bình
	Mỹ Điền/148	Giữ nguyên	Trung bình	Trung bình	Trung bình
	Hùng	Giữ nguyên	Trung bình	Trung bình	Cao

	Thành/115				
	Yên Hòa/209	Giữ nguyên	Trung bình	Trung bình	Trung bình
	Đông Hải/129	Giữ nguyên	Trung bình	Trung bình	Trung bình

Nhận xét:

Hoạt động chăn nuôi có cả sự tham gia của nhiều người trong gia đình nhưng chủ yếu vẫn là phụ nữ (75-85%)

Bệnh dịch lở mồm long móng, bệnh tai xanh, tụ huyết trùng, phó thương hàn, tiêu chảy là các bệnh thường gặp khi có thiên tai

Các hộ dân thường xuyên được khuyến cáo và tập huấn về kỹ năng chăm sóc, phòng bệnh cho vật nuôi.

Do chuồng trại ở nơi thấp trũng, nhiều nhà còn tạm bợ nên khi có thiên tai, chuồng trại bị đổ, bị ngập, vật nuôi bị chết, bị trôi, bị mất.

9. Kết quả đánh giá ngành thủy sản

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số diện tích thủy hải sản có nguy cơ thiệt hại khi xảy ra thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, ATNĐ, nước biển dâng	hộ nuôi trồng	Tăng	230ha + 200 ha nuôi nhuyễn thể 2 vỏ	Trung bình	Cao
Đánh bắt thủy sản	350 hộ	tăng	65 phương tiện	Trung bình	Trung bình

Nhận xét:

100% diện tích nuôi trồng thủy sản đều ở vùng mép nước có bờ đê thấp, yếu dễ tràn, dễ vỡ, nên dễ bị thiệt hại khi có bão, ngập lụt, nước biển dâng; các ao, đầm nông, khi hạn xảy ra thủy sản chết hoặc phát triển kém.

Trong hoạt này có sự tham gia của cả nam và nữ (50%) trong đó phụ nữ chủ yếu chăm sóc, thu hoạch, nam giới ngoài chăm sóc còn phải trông coi bảo vệ đê.

Trong xã có thôn Hùng Thành 100% hộ dân đánh bắt thủy sản gần bờ và có 28 hộ của các thôn khác. Hoạt động này có 40 đến 50% nữ. Nhiệm vụ của phụ nữ là thu lượm sản phẩm, phân loại sản phẩm và lái thuyền khi nam giới thả lưới, kéo lưới.

Địa phương đã tập huấn cho các hộ, đã có nhiều khuyến cáo để họ có ý thức tốt hơn trước thiên tai và BĐKH. Tuy vậy nếu thiên tai xảy ra, địa phương có thể xảy ra các thiệt hại:

- 435ha nuôi trồng thủy sản bị mất khi có bão, ngập lụt, nước biển dâng

- Tôm bị bệnh do độ mặn tăng cao khi có hạn
- Nhà trồng coi thủy sản bị đổ
- Bờ đâm bị vỡ

10. Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch

Loại hình Thiên tai, BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số thôn/hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Không				

11. Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT (Số hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, nước dâng, ngập lụt	230	Giữ nguyên	0	Trung bình	Thấp

Nhận xét:

95% hoạt động này do nữ giới đảm nhiệm. Các hoạt động chủ yếu là bán các sản phẩm tiêu dùng hàng ngày. Hoạt động này thường tự phát không được tập huấn, người dân chủ yếu dựa vào kinh nghiệm do đó thường phát sinh rủi ro cao.

12. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về Thiên tai và biến đổi khí hậu và Cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số hộ dân được tiếp cận các dịch vụ thông tin truyền thông và cảnh báo phù hợp)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, nước dâng	9/9 thôn	Giảm	100%	Trung bình	Trung bình

Nhận xét:

Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm khá hoàn chỉnh. Hệ thống loa được phủ khắp toàn xã, các phương tiện thông tin đại chúng đa dạng, hệ thống cảnh báo sớm tốt. Địa phương có đội tuyên truyền, khi có tin thiên tai sẽ xảy ra, hội viên, đoàn viên đến từng hộ thông báo. Các thông tin ngắn gọn, dễ hiểu. Hiệu suất sử dụng hệ thống truyền thanh cao tuy nhiên các dụng cụ, phương tiện hầu hết đã kém chất lượng, thường xuyên bị hỏng hóc nên hiệu quả chưa cao.

13. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TUBĐKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số cán bộ chuyên trách/phụ trách và lực lượng 4 tại chỗ có ít nhất 5 năm làm việc trong lĩnh vực PCTT và BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, ngập lụt, nước biển dâng	9/9 thôn	Giảm	6	Trung bình	Cao
Lực lượng phòng chống - ứng phó	- Có tiểu ban PCTT thôn 5-7 người - 3 an ninh - Đội ứng phó nhanh 10 người				

	- Lực lượng dân quân 20-30 người				
Trang thiết bị, phương tiện, vật tư.	- Chuẩn bị đủ các vật tư xã giao - Các hộ dân chuẩn bị tốt theo PC” 4 tại chỗ”				

Nhận xét:

Thực hiện phương châm “ 4 tại chỗ”, tất cả các thôn trong xã đều làm tốt nhiệm vụ khi thiên tai xảy ra. Mỗi thôn đều có tiểu ban PCTT, có lực lượng hộ đê, lực lượng cứu hộ, cứu nạn, tổ thông tin hỏa tốc, đội gác đê theo phân công, lực lượng y tế, an ninh thôn. Trong các hoạt động trên, phụ nữ chủ yếu được phân công tuyên truyền, cảnh báo, hậu cần, động viên các hộ khi sơ tán và bị thiệt hại. Tuy nhiên do thành phần tham gia của nữ trong PCTT còn ít nên những nhu cầu của phụ nữ chưa được đáp ứng.

Tuy vậy lực lượng PCTT còn hạn chế về các kỹ năng: kỹ năng SCC, kỹ năng chằng chống nhà, kỹ năng TKCN, ... mặt khác lực lượng này cũng còn thiếu các trang bị, phương tiện như bộ đồ bảo hộ lao động, bộ sơ cấp sứ nên hoạt động sẽ hạn chế.

Với công việc phải đối mặt trực tiếp với thiên tai nên các rủi ro đối với lực lượng PCTT là rất cao thậm chí thiệt hại đến người như chết hoặc mất tích.

5. Các vấn đề về giới

Qua đánh giá ở các thôn cho thấy tình trạng dễ bị tổn thương ở nam và nữ không hoàn toàn giống nhau do công việc mà họ làm trước, trong và sau thiên tai

a. Công việc đảm nhận hàng ngày của nam và nữ khác nhau đặc biệt là vào thời điểm trong và sau thiên tai:

Nam giới chủ yếu là các công việc nặng nhọc, có tính rủi ro cao về tính mạng như đánh bắt thủy sản, bảo vệ nuôi trồng thủy sản, và các công việc đòi hỏi kỹ thuật như neo đậu, kiểm tra tàu thuyền, chằng chống nhà cửa, tìm kiếm, cứu nạn, ...

Đối với nữ giới thường đảm nhận những công việc không đòi hỏi sức khỏe nhiều mà chủ yếu là các công việc liên quan tới gia đình như chăm sóc con cái, giặt giũ, chế biến hải sản, thu hoạch lúa, vệ sinh môi trường, nhà cửa.

Những công việc của phụ nữ cũng mang nhiều rủi ro cho họ như họ dễ bị bệnh phụ khoa do phải dầm mình trong nước khi phải thu hoạch chạy bão, ngập lụt; phải tăng gánh nặng cho phụ nữ sau thiên tai do thiếu lương thực, thực phẩm, nước sạch sinh hoạt trong gia đình. Sau thiên tai, nhiều nam giới phải đi làm ăn xa, thì áp lực cuộc sống lại càng tăng cao đối với phụ nữ.

Công việc của nam và nữ giới trước, trong và sau thiên tai:

TT	Các hoạt động trước bão	PHÂN TÍCH			
		Nam giới %	Nữ giới %	Trẻ em Nam %	Trẻ em Nữ %

1	Thông tin tuyên truyền xu hướng cường độ của bão	50	50		
2	Vận động toàn dân và chằng chống nhà của	70	30		
3	Đưa tàu thuyền đến nơi neo đậu an toàn	100	0		
4	Di chuyển lương thực và các yếu tố trong nhà cất nơi cao ráo	40	40	10	10
5	Bao bọc che đậy chuồng trại gia súc gia cầm	50	50		
6	Gia cố đê bờ hồ nuôi trồng thủy sản	60	40		
7	Trảy cây róc cành trồng lâm nghiệp	50	50		
8	Thu hoạch lúa màu trước bão từ 3-5 ngày	50	50		
9	Xuất hồ nuôi tôm cá trước bão từ 3-5 ngày	70	30		
10	Di dời đối tượng dễ bị tổn thương trong gia đình đến nơi an toàn	40	60		
11	Vận động toàn dân bảo vệ rừng phòng hộ không chặt phá rừng	50	50		
12	Ban phòng chống lụt bão nắm thông tin của từng thôn về sự thiệt hại của người dân và tài sản	70	30		
13	Báo cáo nhanh về Ban PCLB cấp trên	70	30		
14	Đội tải thương sơ cứu ẩn trực 24/24	70	30		
15	Chặt cửa cành cây trước khi bão	100	0		
16	Tìm kiếm cứu nạn	70	30		
17	Dọn dẹp các đồng đồ nát	20	80		
18	Kiểm tra điện, nhà sau thiên tai	80	20		
19	Lực lượng cơ động, ứng trực các đoạn đường đê bảo đi lại an toàn	100	0		
20	Quản lý giữ gìn trẻ em không cho ra đường		100		
21	Dọn dẹp vệ sinh sau thiên tai	20	80		
22	Sửa sang nhà cửa bị sập đổ	70	30		
23	Thu dọn vệ sinh trong nhà và ngoài ngõ	10	80	5	5
24	Kiểm tra gia súc, gia cầm bị tổn thương, chôn dập các xác chết của gia súc, gia cầm	20	80		
25	Kiểm tra nguồn nước sử dụng trong gia đình, bảo đảm an toàn vệ sinh nếu có sự cố kịp thời báo cơ sở y tế	50	50		
26	Thu hoạch lúa, hoa màu bị ngập nước	50	50		

27	Củng cố đê bờ hồ nuôi trồng thủy sản	60	40		
28	Kiểm tra tàu thuyền ngư lưới cụ	80	20		
29	Giặt giũ chăn màn, áo quần bị ẩm ướt		100		
30	Trong quá trình canh tác nông nghiệp				
	* Làm đất	50	50		
	* Cấy lúa	20	80		
	* Thu hoạch lúa, mầu	50	50		
	* Chăn nuôi	20	70	5	5
	* Nuôi trồng Thủy sản	70	30		
31	Dịch vụ du lịch	0	0		
32	Chế biến các loại mắm	20	80		

b. Khả năng tiếp cận với quyền lực của phụ nữ

Qua đánh giá phân công việc của nam và nữ trước trong và sau thiên tai cho thấy phụ nữ trong xã đóng vai trò rất lớn trong mọi hoạt động. Vai trò sản xuất, vai trò tái sản xuất, vai trò cộng đồng của phụ nữ khá đậm nét.

Mặt khác, tỷ lệ nữ được tham gia vào đảng ủy, HĐND, UBND và cán bộ công chức nhà nước ở cấp xã, thôn vẫn còn thấp

- Đảng ủy: 15 thành viên; trong đó có 2 nữ, chiếm tỷ lệ 13,3%

- Hội đồng nhân dân xã: 26 thành viên; trong đó có 4 nữ, chiếm tỷ lệ 15,4%

- Tổng số cán bộ xã hiện có: 20 người; trong đó có 07 nữ, chiếm tỷ lệ 35%

- Lực lượng Công An, Quân sự đều là nam giới

- Các vị trí Bí thư, phó Bí thư đảng ủy, chủ tịch UBND, chủ tịch, phó chủ tịch HĐND xã có 8 thành viên nhưng không có nữ

Ở cấp thôn rất thấp: trong 9 thôn, có 6 thôn bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn và 3 thôn có bí thư và trưởng thôn riêng tổng cộng 12 người trong đó chỉ có 1 nữ là trưởng thôn chiếm tỷ lệ 8%

- Trưởng, phó các đoàn thể chính trị- xã hội có 8 người nhưng chỉ có 2 nữ chiếm tỷ lệ 25%

- Trưởng các hội đặc thù 8 người trong đó nữ 02 chiếm tỷ lệ 25%

* Tỷ lệ nữ tham gia trong Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã là 3 nữ/24 thành viên chiếm tỷ lệ 12,5%

Từ sự tham gia trên dẫn tới thiếu sự tham gia đầy đủ và hiểu biết của phụ nữ về mọi mặt, các giải pháp PCTT chưa được đầy đủ; phụ nữ ít được tham gia trong các cuộc họp quan trọng, ít được nêu vấn đề có liên quan đến họ dẫn đến nữ giới chưa được đề cao trong công tác lập kế hoạch cũng như đưa ra các giải pháp ứng phó thiên tai phù hợp nhạy cảm giới.

Qua kết quả xếp hạng cho thấy nhận thức về rủi ro thiên tai của nam giới và nữ giới cũng khác nhau: Nam giới quan tâm đến việc các vấn đề lớn như chết người, về tàu thuyền, ... còn phụ nữ chủ yếu đề cập đến các vấn đề liên quan đến đời sống như thiệt hại nhà cửa, lúa, hoa mầu, vệ sinh môi trường.

Tỷ lệ nữ có tên trong quyền sử dụng đất đai thấp điều này dễ đẩy phụ nữ vào môi trường rủi ro cao khi trong gia đình có sự ly tán và trong một số trường hợp, phụ nữ mất hoàn toàn quyền lực khi giải quyết đất đai.

D. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

Thứ tự vấn đề ưu tiên (*)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	TTDBTD	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Đê bị vỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Đê xuống cấp - Tác động của sóng biển vào đê lớn - Công tác hộ đê còn hạn chế 	<ul style="list-style-type: none"> - Không được tu bổ, nâng cấp thường xuyên - Xâm lấn hành lang đê - Công tác tuyên truyền hạn chế - Ý thức người dân chưa cao - Xử lý lấn chiếm chưa nghiêm - Hiểu biết của người dân về thiên tai còn hạn chế - Công tác kiểm tra chưa tốt - Độ che phủ của rừng ngập mặn còn ít - Không trồng dặm thường xuyên - Lực lượng hộ đê thiếu kỹ năng - Thiếu phương tiện hộ đê - Chưa được tập huấn - Chưa tổ chức diễn tập thường xuyên 	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên tu bổ nâng cấp đê, kè, công dưới đê - Giải tỏa lấn chiếm hành lang đê - Tăng cường công tác tuyên truyền bảo vệ đê, chống lấn chiếm hành lang đê - Nâng cao ý thức bảo vệ đê cho cộng đồng - Xử lý dứt điểm, kịp thời các trường hợp lấn chiếm - Nâng cao nhận thức về thiên tai, BĐKH cho cộng đồng - Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra đê điều - Trồng RNM bảo vệ đê và thường xuyên chăm sóc - Nâng cao năng lực cho lực lượng hộ đê - Trang thiết bị, phương tiện cho công tác hộ đê - Tập huấn kỹ năng hộ đê - Hàng năm tổ chức diễn tập hộ đê
2	Thủy sản bị mất cao	<ul style="list-style-type: none"> - Nuôi trồng không đúng lịch thời vụ - Đầm ao nằm ở vùng nguy cơ cao - Bờ bao thấp và yếu - Thiếu phương tiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kiến thức nuôi trồng - Rừng ngập mặn còn mỏng, thưa cây - Không mua sắm mới - Thiếu vốn - Tuyên truyền còn hạn chế - Hiểu biết về thiên tai hạn chế 	<ul style="list-style-type: none"> - Xuống giống đảm bảo đúng lịch - Thường xuyên gia cố nâng cấp bờ đầm - Tăng cường bổ sung trang thiết bị bảo vệ con nuôi - Hỗ trợ vốn sản xuất - Tuyên truyền thường xuyên

		bảo vệ - Chủ hộ nuôi chủ quan	- Chưa được tập huấn về thiên tai, BĐKH	- Cảnh báo kịp thời - Chủ động thu hoạch (nếu được) khi có cảnh báo - Tập huấn kiến thức, kỹ năng nuôi trồng - Trồng thêm và chăm dậm rừng ngập mặn - Tập huấn kiến thức PCTT
3	Nhà đổ, hư hại nhiều	- Nhà xây dựng chưa đúng kỹ thuật - Nhiều nhà xuống cấp - Nhiều nhà ở nơi nguy cơ cao - Không chằng chống	- Kiến thức xây dựng nhà an toàn còn hạn chế - Chưa được tập huấn kỹ năng xây dựng nhà an toàn - Không tu sửa nâng cấp thường xuyên - Nhiều hộ nghèo - Chịu ảnh hưởng lớn của gió bão - Thiếu rừng phòng hộ Chủ quan - Tuyên truyền hạn chế - Nhận thức về bão hạn chế - Chưa được tập huấn	- Thiết kế, XD nhà đúng kỹ thuật - Giảm nhà xuống cấp - Chằng chống nhà và chằng chống đúng kỹ thuật - Tập huấn kỹ năng XD nhà an toàn và kỹ năng chằng chống nha - Xây nhà cho hộ nghèo và hộ vùng nguy cơ cao - Trồng rừng phòng hộ trên cát và RNM - Nâng cao nhận thức về thiên tai và BĐKH - Tuyên truyền còn hạn chế - Tổ chức tập huấn - Tổ chức diễn tập
4	Môi trường bị ô nhiễm	- Không xử lý kịp thời, đúng qui trình các xác chết - Công trình vệ sinh không đảm bảo - Công tác vệ sinh môi trường sau thiên tai hạn chế	- Thiếu phương tiện, hóa chất xử lý - Chưa quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường - Tuyên truyền vận động còn hạn chế - Nhiều hộ nghèo nên thiếu kinh phí xây dựng	- Tổng vệ sinh sau thiên tai - Xử lý tốt xác chết - Xây dựng nhà vệ sinh từ hoại - Nâng cao ý thức cộng đồng - Tăng cường tuyên truyền - Giảm nghèo

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến
				Ngắn hạn	Trung và Dài hạn	

Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)	- Tu bổ nâng cấp đê, kè, cống dưới đê	- Đê sông: 200m gần trạm bơm Mỹ Điền ; diêm từ cống Đồng Sứ đến Đò Gành - 2 cống thủy sản; Cống Ba Gò - Cống Đông Tân - Cống Bắc sen	- Kiểm tra đê phát hiện sự cố - Lập báo cáo và đề xuất huyện, tỉnh		x	
	Giải tỏa lấn chiếm hành lang đê	Tất cả các tuyến đê	- Kiểm tra, phát hiện - Báo cáo chủ tịch xã - Thành lập đoàn đến các hộ thông báo và vận động tháo dỡ lấn chiếm - Tổ chức tháo gỡ nếu gia đình không thực hiện	x		
	Tăng cường công tác tuyên truyền bảo vệ đê	Tại xã, thôn	Viết bài, đọc trên truyền thanh, trong hội nghị, kiểm tra đánh giá kết quả	x		
	Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra đê điều	Trên tất cả các tuyến đê	- Thành lập đội canh và kiểm tra đê - Tổ chức kiểm tra định kỳ - Xử lý sự cố	x		
	Làm nhà mới	Các hộ	Tập huấn kỹ	x		

	cho hộ nghèo và các hộ vùng nguy cơ cao	nghèo, hộ nguy cơ cao trong toàn xã	năng XD nhà an toàn Khảo sát Hợp dân lập tờ trình Lập kế hoạch XD Tiến hành XD Giám sát đánh giá			
	Chủ động chằng chống nhà và chằng chống đống kỹ thuật	Toàn xã	Tập huấn kỹ năng chằng chống nhà Kiểm tra Chuẩn bị vật liệu Tiến hành chằng chống	x		
	- Tập huấn kỹ năng XD nhà an toàn và kỹ năng chằng chống nhà	Các hộ được xây dựng và tổ thợ xây	Lập danh sách hội viên Dự trù kinh phí Tổ chức tập huấn	x		
Nước sạch, vệ sinh và môi trường	Tổng vệ sinh sau thiên tai	Toàn xã	Lập kế hoạch Thông báo kế hoạch cho dân Tổ chức thực hiện	x		
	Xử lý tốt xác chết	Địa bàn có thiên tai	Kiểm tra, phát hiện Huy động nhân lực Tiến hành tiêu hủy	x		
	Xây dựng nhà vệ sinh tử hoại		Khảo sát xác định hộ làm Tập huấn xây nhà vệ sinh tử hoại Thiết kế Tổ chức	x	x	

			thực hiện			
Rừng	- Trồng thêm 300ha mới và chăm sóc 90ha rừng ngập mặn		Khảo sát diện tích, vùng trồng Phân lô Tập huấn Mua giống Trồng	x		
Trồng trọt						
Chăn nuôi						
Thủy sản	Tập huấn kiến thức, kỹ năng nuôi trồng	Các hộ nuôi thủy sản trong toàn xã	Lập danh sách học viên Dự trù kinh phí Tổ chức tập huấn	x		
	Tăng cường bổ sung trang thiết bị bảo vệ con nuôi			x		
	Chủ động thu hoạch (nếu được) khi có cảnh báo			x		
Du lịch						
Buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác						
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Nâng cao nhận thức về thiên tai, BĐKH cho cộng đồng	Nhân dân trong xã	Cử cán bộ tuyên truyền Chọn địa điểm Chọn phương pháp, hình thức tuyên truyền chuẩn bị tài liệu Triển khai kế hoạch	x		

Phòng chống thiên tai và TUBĐKH	Tổ chức diễn tập	Khu vực dễ nguy cơ Dân toàn xã	Xác định tình huống Xây dựng kịch bản Phân vai Tổ chức tập huấn cá kỹ năng liên quan Diễn thử Diễn thật	x		
	Tổ chức tập huấn kiến thức, kỹ năng PCTT	Các hộ dễ bị tổn thương trong xã	Lập danh sách học viên Dự trù kinh phí Tổ chức tập huấn	x		
	Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thiên tai và BĐKH cho cộng đồng	Toàn xã	Cử cán bộ tuyên truyền Chọn địa điểm Chọn phương pháp, hình thức tuyên truyền chuẩn bị tài liệu Triển khai kế hoạch	x		

2. Đề xuất:

* Chính quyền xã và nhân dân:

- Tăng cường công tác vận động, tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân, chủ động phòng chống thiên tai, thực hiện tốt phương châm 4 tại chỗ, huy động tối đa mọi nguồn lực sẵn có tại chỗ
- Thường xuyên rà soát, kiểm tra các nơi có nguy cơ xảy ra sạt lở, các vùng có nguy cơ ngập sâu.
- Tăng cường công tác trồng và bảo vệ rừng ngập mặn tạo lá chắn bền vững bảo vệ đê
- Tăng cường công tác vận động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, xây dựng nhà vệ sinh đúng tiêu chuẩn, thường xuyên thu gom rác thải tại khu rừng ngập mặn
- Chủ động bố trí lịch thời vụ hợp lý, thay giống mới để tránh ảnh hưởng của thiên tai
- Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các nhóm, tổ chức PCTT và các hoạt động khác, chú trọng việc dạy bơi cho người dân đặc biệt chú trọng đến phụ nữ và trẻ em. Tăng cường vai trò lãnh đạo của phụ nữ trong bộ máy đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Luật phòng chống thiên tai, đề án 1002 của Chính phủ. Công bố kế hoạch PCTT của xã, các văn bản có liên quan và các biện pháp phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai cho người dân được biết.

- Tổ chức vận động cộng đồng hỗ trợ vật tư, kinh phí, ngày công giúp các hộ nghèo làm nhà theo Quyết định 48 và hỗ trợ từ dự án GCF.

- Sử dụng kết quả đánh giá rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội các cấp và hàng năm thường xuyên đánh giá cập nhật, bổ sung thông tin.

- Hàng năm tổ chức diễn tập để nâng cao năng lực cho người dân và cán bộ PCTT

*** Cấp huyện, tỉnh ,trung ương**

- Có kế hoạch nâng cấp cao trình đê biển, sửa chữa, nâng cấp các đoạn đê xung yếu, các công dưới đê bị hỏng.

- Khuyến nông, khuyến lâm các cấp tăng cường cung cấp kiến thức, kỹ năng và việc lựa chọn giống cây con phù hợp với điều kiện hiện tại do BĐKH gây nên

- Cung cấp các phương tiện: PCTT, các trang thiết bị hỗ trợ cho lực lượng xung kích, TKCN hoạt động: như ủng, áo mưa, đèn pin, mũ bảo hiểm, bộ đồ cứu hộ, sơ cấp cứu, túi cứu thương và các công cụ, cơ sở thuốc kèm theo, thuốc xử lý nước, cưa máy

- Hỗ trợ kinh phí để xây dựng nhà cho các hộ nghèo và các hộ vùng nguy cơ cao

*** Đối với dự án GCF**

- Tập huấn về thiên tai, QLRRTT và BĐKH, giới cho 100% cán bộ xã, thôn

- Tập huấn cho cán bộ và phụ nữ xã, thôn về giới, lồng ghép giới, vai trò giới trong thiên tai.

- Tập huấn cho cán bộ xã, thôn về lồng ghép Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và BĐKH vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương và xây dựng nông thôn mới.

- Tập huấn kỹ năng Tìm kiếm cứu nạn và sơ cấp cứu cho đội cứu hộ cứu nạn; tập huấn kỹ thuật xây nhà an toàn, chằng chống nhà cho lực lượng xung kích, dân quân tự vệ

- Hỗ trợ kinh phí cho các hộ nghèo và các hộ vùng nguy cơ cao làm nhà

Nơi nhận:

- TTĐU; HĐND; UBND; UBNDTTQVN xã (b/c);

- Ban chỉ huy PCTT và TKCN xã (b/c);

- Các thành viên BCH PCTT và TKCN;

- Trưởng các thôn;

- Lưu: VT

TM.UBND XÃ
CHỦ TỊCH

E. PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ tên	Đơn vị	Số điện thoại
1			
2			
3			
4			

Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá